

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **03/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 17- 01-2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Hồng Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Vũ
2. Bà Bùi Thị Duyên

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Hữu Văn -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2021/QĐXXST –HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng C, sinh năm: 1993; Địa chỉ: 194/1 ấp An Điền, xã АД, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn T, sinh năm: 1990; Địa chỉ: 165/1 ấp An Điền, xã АД, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Hồng C trình bày:* Chị và anh Đỗ Văn T do quen biết nhau rồi tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã АД, huyện P cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/9/2014. Sau khi kết hôn, chị và anh T có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Tuy nhiên, khoảng thời gian đây cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, đánh nhau, có lần anh T đánh chị gây thương tích, chị và anh T đã không còn sống chung, từ khi không còn sống chung thì chị không có hàn gắn tình cảm với anh T, anh T có yêu cầu chị rút đơn khởi kiện tại Tòa án nhưng chị không đồng ý. Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, mâu thuẫn đã

xảy ra trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn T. Chị không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung Đỗ Thị Ngọc V, sinh ngày 05/8/2014 con chung đang sống chung với chị, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con không yêu cầu anh Tiền cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

*Trong quá trình tố tụng bị đơn Đỗ Văn T trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị Lê Thị Hồng C về quá trình tiến tới hôn nhân, thời gian kết hôn. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh xảy ra là có, vợ chồng có cãi nhau. Trong thời gian chung sống, anh thừa nhận có đánh chị C gây thương tích nguyên nhân là do anh nghi ngờ chị C có quan hệ tình cảm với người khác mỗi khi anh đi làm xa vì công việc của anh là đi cào biển ở huyện Ba Tri, mỗi lần đi từ 1-3 tháng mới về 01 lần. Đối với yêu cầu xin ly của chị C thì anh không đồng ý ly hôn với chị C, do anh còn thương vợ con nên anh muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị C ly hôn thì anh yêu cầu giải quyết như sau: Anh không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Về con chung: Có 01 con chung Đỗ Thị Ngọc Vy, sinh ngày 05/8/2014, khi ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị C được trực tiếp nuôi con, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh và chị C tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; không tham gia phiên hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng là không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng C. Chị Lê Thị Hồng C được trực tiếp nuôi con chung tên Đỗ Thị Ngọc V, sinh ngày 05/8/2014, ghi nhận chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung: Chị C và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết; nợ chung chị C và anh T trình bày không có nên đề nghị không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Đỗ Văn T có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 165/1 ấp An Điền, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Lê Thị Hồng C có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, anh Đỗ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh T.

[4] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng C và anh Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/9/2014. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị C và anh T được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Chị C cho rằng nguyên nhân chị C xin ly hôn với anh T là do trong thời gian chung sống, chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xô xát nhau, có lần anh T đánh chị C gây thương tích, cuộc sống chung không có hạnh phúc và hiện nay chị không còn tình cảm gì với anh T nên không thể tiếp tục cuộc sống chung. Anh T thừa nhận anh và chị C có xảy ra mâu thuẫn, thời gian gần đây, do nghi ngờ chị C có quan hệ với người khác nên anh có đánh chị C nhưng không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C vì anh muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để lo cho con. Xét thấy, hiện nay chị C và anh T không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc dù, trong quá trình tố tụng tại Tòa án, anh T không đồng ý ly hôn với chị C nhưng anh T không đưa ra được các biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị C. Mặt khác, tại đơn tường trình ngày 02/ 11/2021 chị C trình bày: Trước đây, do chị và anh T có mâu thuẫn nên chị có yêu cầu ly hôn với anh T tại Tòa án nhưng sau đó chị rút đơn ly hôn với mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chỉ được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Theo biên bản xác minh đối với bà Trần Thị L (là mẹ ruột của anh T) và bà Lê Thị T (là mẹ ruột của chị C), bà L và bà T đều trình bày hôn nhân giữa chị C và anh T có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ những cơ sở nêu trên có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị C và anh T đã đến mức trầm trọng không thể tiếp tục cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh T. Chị C và anh T không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung: Chị C và anh T thống nhất trình bày anh chị có 01 con chung tên Đỗ Thị Ngọc V, sinh ngày 05/8/2014, khi ly hôn chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con, chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, từ khi chị C và anh T không còn sống chung, chị C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V, tại biên bản lấy ý kiến con chung ngày 11/11/2021 thì cháu V trình bày có nguyện vọng sống chung với chị C. Mặt khác, anh T cũng đồng ý giao cháu V cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, giao con chung Đỗ Thị Ngọc V, sinh ngày 05/8/2014 cho chị C được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận.

[6] Về tài sản chung: Chị C và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị C và anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Chị Lê Thị Hồng C phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 147 và Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng C đối với anh Đỗ Văn T. Chị Lê Thị Hồng C được ly hôn với anh Đỗ Văn T. Chị C và anh T không yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Hồng C được trực tiếp nuôi con chung tên Đỗ Thị Ngọc V, sinh ngày 05/8/2014, ghi nhận chị Cẩm không yêu cầu anh Tiền cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung: chị C và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị C và anh T trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Lê Thị Hồng C phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002861 ngày 21/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- UBND xã An Điền, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre;
- Lưu (hồ sơ, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Đào Hồng Vân**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Văn Vũ – Bùi Thị Duyên**

**Đào Hồng Vân**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Dương sự;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- UBND xã An Điền;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Tơ**



